



máo kǒng

毛孔

noun · pore (of skin)

Example Sentences

Tā de máo kǒng hěn xì
她的毛孔很细。

Her pores are very fine.

Xià tiān chū hàn shí máo kǒng huì zhāng kāi
夏天出汗时毛孔会张开。

Pores open when you sweat in summer.

Trace each character, then write the word on your own.

毛	毛	毛	毛	毛	毛	毛													
孔	孔	孔	孔	孔	孔	孔													